

UBND QUẬN HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐƯƠNG NỘI B

Số: 01/QĐ-THDNB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
-----000-----

Hà Đông, ngày 06 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023

TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐƯƠNG NỘI B

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 5858/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND quận Hà Đông về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi NSNN năm 2023 của quận Hà Đông;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Giao ban giám hiệu, Phòng tài vụ, tập thể CB-GV-NV trong trường có liên quan thực hiện Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 2
- Phòng KT; Lưu VT

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
ĐƯƠNG NỘI B
Hoàng Tuyết Minh

Biểu số 2 : (Ban hành kèm theo Thông tư 90/2018-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)

TRƯỜNG TIỂU HỌC DƯƠNG NỘI B

CHƯƠNG 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 5858/QĐ-UBND của UBND quận Hà Đông ngày 20/12/2022 và Quyết định ngày 06/01/2023 của trường Tiểu học Dương Nội B)

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí B	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí	
	Phí	
2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.380.494.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	4.380.494.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	4.380.494.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
1.3	Kinh phí cải cách tiền lương (nguồn 14)	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

STT	Nội dung	Dự toán được giao
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo hiểm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo hiểm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	

TT	Nội dung	Dự toán được giao
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo hiểm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Hà Đông, ngày 06 tháng 01 năm 2023


Thư trưởng đơn vị
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
DƯƠNG NỢ B
 Hoàng Tuyết Minh

BIÊN BẢN
Niêm yết công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023

Hôm nay, vào hồi 17h ngày 06 tháng 01 năm 2022. Tại trường Tiểu học Dương Nội B gồm:

1. Bà Hoàng Tuyết Minh - Hiệu trưởng
2. Bà Trịnh Thị Mừng - Phó hiệu trưởng
3. Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký
4. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân - Thanh tra nhân dân
5. Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - NV Kế toán

Lập biên bản về việc niêm yết công khai dự toán ngân sách năm 2023 của trường Tiểu học Dương Nội B bằng hình thức **Niêm yết** tại trụ sở làm việc (theo biểu mẫu đính kèm).

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 17h30 ngày 06 tháng 01 năm 2023 và sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 17h30 ngày 05 tháng 04 năm 2023 (90 ngày liên tục).

Thực hiện niêm yết công khai dự toán ngân sách năm 2023 của trường Tiểu học Dương Nội B niêm yết tại nơi thuận tiện cho mọi người trong cơ quan, đơn vị và cha mẹ phụ huynh học sinh biết.

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong thời gian 90 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Biên bản lập xong hồi 16h30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

Các thành viên tham gia:

- Trịnh Thị Mừng:.....
- Nguyễn Thị Huệ:.....
- Nguyễn Thị Thanh Vân:.....
- Nguyễn Thị Hồng Hạnh:.....


THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
DƯƠNG NỘI B
Hoàng Tuyết Minh

số 2 : (Ban hành kèm theo Thông tư 90/2018-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)

TRƯỜNG TIỂU HỌC DƯƠNG NỘI B

QUY ĐỊNH SỐ 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Kèm theo Quyết định số 5858/QĐ-UBND của UBND quận Hà Đông ngày 20/12/2022 và Quyết định ngày 06/01/2023 của trường Tiểu học Dương Nội B)

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí B	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí	
	Phí	
2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.380.494.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	4.380.494.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	4.380.494.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
1.3	Kinh phí cải cách tiền lương (nguồn 14)	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

T	Nội dung	Dự toán được giao
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo hiểm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo hiểm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	

T	Nội dung	Dự toán được giao
0	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
0.1	Dự án A	
0.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo hiểm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Hà Đông, ngày 06 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị


 TRƯỜNG
 TIỂU HỌC
 DƯƠNG NỮ B

Hoàng Tuyết Minh

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG SỰ PHẠM

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023

I. Thời gian: Hôm nay, vào hồi 17h40' ngày 06 tháng 01 năm 2023

II. Địa điểm: tại Phòng Hội đồng, trường Tiểu học Dương Nội B

III. Thành phần:

1. Bà Hoàng Tuyết Minh - Hiệu trưởng
2. Bà Trịnh Thị Mừng - Phó hiệu trưởng
3. Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký
4. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân - Thanh tra nhân dân
5. Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - NV Kế toán

Cùng toàn thể hội đồng sự phạm nhà trường (vắng mặt: 0)

IV. Nội dung: Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023

1. Bà Hoàng Tuyết Minh - Hiệu trưởng nhà trường thông qua các văn bản gồm:

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 5858/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND quận Hà Đông về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi NSNN năm 2023 của quận Hà Đông;

2. Nội dung: Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 (theo biểu mẫu đính kèm)

3. Địa điểm, thời gian niêm yết:

- Địa điểm niêm yết: tại bảng tin phòng Hội đồng trường Tiểu học Dương Nội B.

- Thời gian niêm yết: từ ngày 06/01/2023 đến hết ngày 05/04/2023

4. Hình thức công khai:

- Thông báo trước hội đồng sư phạm
- Niêm yết tại bảng tin phòng Hội đồng

5. Tổ chức thực hiện:

- Đ/c Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định theo quy chế và kế hoạch đã đề ra. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý;

- Đồng chí kế toán chịu trách nhiệm báo cáo công khai, chuẩn bị các nội dung công khai có liên quan;

- Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường xem bảng niêm yết các nội dung công khai, nếu có điều gì thắc mắc sẽ phản ánh về Ban thanh tra nhân dân hoặc chủ tài khoản Trường Tiểu học Dương Nội B kịp thời, đúng quy định theo kế hoạch đã đề ra.

Biên bản thông qua trước Ban quy chế dân chủ hồi 18h30' cùng ngày và được các thành viên nhất trí 100%.

Các thành viên tham gia:

- Trịnh Thị Mừng:.....
- Nguyễn Thị Huệ:.....
- Nguyễn Thị Thanh Vân:.....
- Nguyễn Thị Hồng Hạnh:.....


THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
DƯƠNG NỘI B
Hoàng Tuyết Minh

Đu số 2 : (Ban hành kèm theo Thông tư 90/2018-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)

TRƯỜNG TIỂU HỌC DƯƠNG NỘI B

HƯƠNG 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 5858/QĐ-UBND của UBND quận Hà Đông ngày 20/12/2022 và Quyết định ngày 06/01/2023 của trường Tiểu học Dương Nội B)

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí B	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí	
	Phí	
2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.380.494.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	4.380.494.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.380.494.000
1.3	Kinh phí cải cách tiền lương (nguồn 14)	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp khác	

TT	Nội dung	Dự toán được giao
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo hiểm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo hiểm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	

TT	Nội dung	Dự toán được giao
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
0.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo hiểm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Hà Đông, ngày 06 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Hoàng Tuyết Minh

BIÊN BẢN

Kết thúc niêm yết công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023

Hôm nay, vào hồi 17h30 ngày 05 tháng 04 năm 2023 tại trường Tiểu học Dương Nội B gồm:

1. Bà Hoàng Tuyết Minh - Hiệu trưởng
2. Bà Trịnh Thị Mừng - Phó hiệu trưởng
3. Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký
4. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân - Thanh tra nhân dân
5. Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - NV Kế toán

Lập biên bản về việc kết thúc niêm yết công khai dự toán ngân sách năm 2023 tại trụ sở làm việc:

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 17h30 ngày 06 tháng 01 năm 2023 và sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 17h30 ngày 05 tháng 04 năm 2023 (90 ngày liên tục).

Sau 90 ngày thực hiện niêm yết công khai dự toán ngân sách năm 2023 của trường Tiểu học Dương Nội B niêm yết tại trụ sở làm việc và không có ý kiến gì thắc mắc hay khiếu nại. Vậy Trường Tiểu học Dương Nội B tiến hành lập biên bản kết thúc niêm yết công khai dự toán ngân sách năm 2023.

Biên bản lập xong hồi 17h30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

Các thành viên tham gia:

- Trịnh Thị Mừng:.....
- Nguyễn Thị Huệ:.....
- Nguyễn Thị Thanh Vân:.....
- Nguyễn Thị Hồng Hạnh:.....



The Diuong Noi B

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN HÀ ĐÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5858/QĐ-UBND

Hà Đông, ngày 20 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của quận Hà Đông.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND Thành phố: số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách thành phố Hà Nội và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2023-2025; số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội năm 2023; số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp Thành phố năm 2023;

Căn cứ Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 10/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của thành phố Hà Nội

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND quận Hà Đông: số 10/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; số 12/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023; số 13/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 phê duyệt chủ trương đầu tư, bổ sung một số dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công năm

2023 vốn đầu tư công của quận Hà Đông;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại báo cáo số 1077/BC-TCKH ngày 20/12/2022 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của quận Hà Đông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các phòng, ban, đơn vị, UBND các phường và phân loại đơn vị sự nghiệp công lập cho các đơn vị thuộc UBND Quận Hà Đông.

(Chi tiết theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách được giao năm 2023, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, UBND các phường thuộc quận tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Trong quá trình tổ chức thực hiện, yêu cầu các đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

- Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, đề ra các giải pháp để đơn đốc, thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội của UBND quận đã đề ra.

- Các đơn vị cập nhật định kỳ kết quả thực hiện chỉ tiêu theo lĩnh vực được giao quản lý. Thường xuyên đơn đốc thực hiện và báo cáo kết quả hàng tháng, quý, 6 tháng và năm 2023 gửi phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp báo cáo UBND quận.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, căn cứ chỉ đạo của UBND thành phố tham mưu cho UBND quận ban hành Chương trình hành động triển khai nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội để tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch năm 2023.

2. Dự toán thu, chi ngân sách:

Các phòng, ban, đơn vị, UBND các phường thuộc Quận thực hiện nghiêm túc các nội dung phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách, nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành ngân sách.

2.1. Thu ngân sách

Chi Cục thuế Hà Đông chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước, các đơn vị phòng ban và UBND các phường tổ chức triển khai tốt các Luật thuế sửa đổi, bổ sung. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, đơn đốc thu hồi nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý Thuế bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào Ngân sách Nhà nước, xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại,

sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn, lậu thuế, gian lận thuế, lợi dụng chính sách hoàn thuế.

Chi cục Thuế chủ trì phối hợp với các phòng, ban của quận tiếp tục rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nhất là vướng mắc về quy trình, thủ tục trong việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, xác định giá đất, nghĩa vụ tài chính đất đai). Thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật.

2.2. Chi ngân sách

Các phòng, ban, đơn vị thuộc Quận được giao dự toán thực hiện phân bổ dự toán chi phải đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đúng quy định của pháp luật; đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ chính sách được nhà nước ban hành và các nhiệm vụ đã được giao.

2.2.1. Đối với chi đầu tư công:

a. Đối với những dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách Thành phố giao UBND quận làm chủ đầu tư, yêu cầu Ban QLDA đầu tư xây dựng quận tập trung triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ và giải ngân nguồn vốn theo kế hoạch được giao.

b. Đối với những dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách quận: Các đơn vị chủ đầu tư được giao kế hoạch vốn XDCB năm 2023 phải tuân thủ nghiêm túc các quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công, quản lý nhà nước về đầu tư công theo Luật Đầu tư công; Luật ngân sách, Quản lý đầu tư theo đúng Luật xây dựng; Lựa chọn nhà thầu theo đúng Luật đấu thầu, đảm bảo tiến độ và giải ngân kế hoạch vốn được giao.

c. Kho bạc nhà nước Hà Đông chủ trì phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị liên quan kiểm soát chặt chẽ việc tạm ứng, thanh toán kế hoạch vốn xây dựng cơ bản theo đúng quy định (đối với các dự án hết năm 2022 là hết thời gian thực hiện theo quyết định phê duyệt dự án, chi giải ngân kế hoạch vốn đối với khối lượng thực hiện năm 2023 của dự án khi được cấp có thẩm quyền điều chỉnh thời gian thực hiện dự án, đảm bảo đúng quy định); vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, vốn thanh quyết toán dự án hoàn thành theo cơ chế linh hoạt đảm bảo điều kiện theo quy định, không để tình trạng tạm ứng kéo dài do chưa có khối lượng thực hiện, tạm ứng để bồi thường giải phóng mặt bằng nhưng không chi trả, tránh tình trạng các dự án có số dư tạm ứng theo chế độ, chưa thu hồi, chưa quyết toán đề nghị chuyển nguồn sang năm sau, đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư dự án hoàn thiện hồ sơ, chứng từ các khoản đã thực hiện chi trả cho các đối tượng được nhận bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thu hồi tạm ứng theo quy định.

d. Các đơn vị được giao chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành thủ tục điều chỉnh dự án đối với các dự án cần phải điều chỉnh nguồn vốn, gia hạn thời gian thực hiện theo đúng quy định.

Việc nộp hồ sơ quyết toán công trình hoàn thành đảm bảo theo đúng thời gian quy định, nhóm C không quá 4 tháng, nhóm B không quá 6 tháng và nhóm A không quá 9 tháng; thanh quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định của Nhà nước và Thành phố về nguồn thu nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách.

Các đơn vị được giao chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo trong việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công theo quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ; định kỳ trước ngày 05 hàng tháng, gửi báo cáo về tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, việc giải quyết thủ tục đầu tư và những nội dung liên quan về phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp báo cáo UBND quận.

e. Phòng Tài chính - Kế hoạch làm đầu mối chủ trì tổng hợp, có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị trong việc giải ngân các nguồn vốn được giao; giám sát đánh giá đầu tư các dự án; triển khai lộ trình đấu thầu qua mạng; đôn đốc việc nộp hồ sơ quyết toán công trình hoàn thành và thanh quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định của nhà nước và Thành phố.

2.2.2. Đối với chi thường xuyên

a. Thực hành triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện tiết kiệm 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2023 đã được cấp có thẩm quyền giao.

Bên cạnh việc tiếp tục tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, thực hiện tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên NSNN so với dự toán năm 2022 của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ngay từ khâu xây dựng dự toán (trừ các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi có tính chất lương, các khoản chi cho con người theo chế độ và các khoản chi đặc thù không thể cắt giảm như đóng niên liễm, chi theo các hợp đồng cung ứng hàng hoá, dịch vụ đã ký kết từ trước và tiếp tục thực hiện trong năm 2023) để dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển và các nhiệm vụ cấp bách khác thuộc trách nhiệm chi của các cấp ngân sách theo phân cấp.

b. Đảm bảo các chính sách, chế độ đã ban hành, đặc biệt là các chính sách an sinh xã hội và tiền lương; đảm bảo hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước các cấp theo quy định. Các cơ quan, đơn vị thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa có chủ trương ban hành.

Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định chi đảm bảo nguyên tắc hiệu quả, tiết kiệm, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách.

c. Việc phân bổ và giao dự toán đối với các cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

d. Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, Kế hoạch 72-KH/TU ngày 27/01/2018 của Thành ủy Hà Nội và Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 06/7/2022 của UBND Thành phố.

đ. Đối với kinh phí sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung, cơ quan, đơn vị căn cứ quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP, xây dựng và quyết định phương án sử dụng kinh phí đảm bảo phù hợp điều kiện và đặc điểm tại từng cơ quan đơn vị và quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

e. Việc mua sắm tài sản phải đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật. Đối với tài sản là máy móc, thiết bị chuyên dùng, đơn vị có trách nhiệm xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chuyên dùng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở để thực hiện mua sắm theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị; Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 14/10/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo và chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội tại Công văn số 2267/UBND-KT ngày 24/5/2018 về việc triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

f. Đối với dự toán chi từ nguồn sự nghiệp của quận: Các đơn vị được giao là cơ quan thường trực (các phòng ban, đơn vị) căn cứ báo cáo thẩm định của phòng Tài chính - Kế hoạch căn cứ thực hiện chi.

g. Đối với các khoản điều hành tập trung chưa phân bổ, trong năm căn cứ tình hình nhiệm vụ các đơn vị xây dựng kế hoạch, dự toán chi tiết gửi phòng TCKH thẩm định tham mưu UBND quận phê duyệt.

h. Đối với công tác đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước, giao các đơn vị khẩn trương hoàn thành các thủ tục đặt hàng, đấu thầu làm cơ sở để tổ chức thực hiện từ 01/01/2023 theo quy định.

i. Tiếp tục bố trí tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 và tích lũy cho giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định, gồm:

- 70% tăng thu ngân sách địa phương thực hiện năm 2023 so với dự toán năm 2023 được Thành phố giao (không kể thu tiền sử dụng đất; tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã; thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước).

- 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2023 đã được cấp có thẩm quyền giao.

- Nguồn Cải cách tiền lương năm 2022 chưa sử dụng chuyển sang.

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2023. Phạm vi trích số thu được quy định cụ thể tại Thông tư của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

k. Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên được quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương và tự bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các phòng, ban, đơn vị, UBND các phường tiếp tục quán triệt thực hiện năm “Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, phát triển” và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2023 đã được UBND quận giao.

2. Các phòng, ban, đơn vị, UBND các phường tuân thủ thực hiện quy định việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư công, quản lý nhà nước về đầu tư công theo quy định của pháp luật Đầu tư công, Đấu thầu, Xây dựng, Đất đai, Môi trường và pháp luật có liên quan. Thực hiện nghiêm túc công tác giám sát, đánh giá đầu tư của chủ đầu tư, của người có thẩm quyền quyết định đầu tư, của cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công; chấp hành chế độ báo cáo và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác. Thực hiện cung cấp, đăng tải thông tin đấu thầu,

tuân thủ quy định của Nhà nước và Thành phố về lộ trình đấu thầu qua mạng; Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp đảm bảo cạnh tranh, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả ngân sách.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, phấn đấu giải ngân hết kế hoạch vốn được giao năm 2023 theo quy định của Luật Đầu tư công. Đề cao kỷ luật, kỷ cương đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn; cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gắn kết quả giải ngân với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đến hết niên độ ngân sách, các đơn vị không giải ngân tối thiểu đạt 90% kế hoạch được giao là một trong các tiêu chí để xem xét đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và cán bộ, công chức liên quan theo quy định.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi Cục thuế, Kho bạc Nhà nước Hà Đông căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn phòng, ban, đơn vị, UBND các phường tổ chức thực hiện và tiến hành giám sát, kiểm tra việc thực hiện theo quy định của Nhà nước; báo cáo UBND quận có biện pháp cụ thể đối với các đơn vị không thực hiện đúng các nguyên tắc HĐND, UBND quận đã thông qua và quyết định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND quận, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, Chi Cục trưởng Chi cục thuế, Giám đốc Kho bạc nhà nước Hà Đông, Chủ tịch UBND các phường, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị và các ngành có liên quan căn cứ quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
 - UBND thành phố Hà nội;
 - Sở Tài chính, Sở KH-ĐT;
 - TT QU; HĐND-UBND quận;
 - Lưu: VT
- | |
|-----|
| đề |
| báo |
| cáo |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cán Thị Việt Hà

BIỂU TÍNH DỰ TOÁN THU VÀ PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NĂM 2023

THEO NGHỊ ĐỊNH 60/2021/NĐ-CP NGÀY 21/6/2021 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 5858/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Hà Đông)

ĐVT: Đồng

TT	Tên đơn vị	Dự toán thu năm 2023										Phân loại đơn vị sự nghiệp
		Tổng số thu	Thu sự nghiệp	Phần ngân sách NN cấp	Thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN (sau khi trừ chi phí)			Thu hoạt động	Chi phí đảm bảo hoạt động	Dự toán chi năm 2023	Mức tự đảm bảo chi thường xuyên	
					Chênh lệch	Thu hoạt động	Chi phí đảm bảo hoạt động					
A	B	1 = 2 + 3 + 4	2	3	4 = 5 - 6	5	6	7	8 = 1 : 7	9	Phân loại đơn vị	
	TỔNG	196.162.043.300	193.423.314.300	1.415.112.000	1.323.617.000	248.251.628.675	246.928.011.675	794.347.298.070				
A	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	191.861.606.000	189.122.877.000	1.415.112.000	1.323.617.000	248.251.628.675	246.928.011.675	785.934.104.970				
I	KHỐI MẦM NON	63.103.830.000	63.066.600.000	37.230.000	0	53.318.662.375	53.318.662.375	5.695.146.070				
1	MN 3-2	1.485.000.000	1.485.000.000		0	1.192.872.000	1.192.872.000	1.124.262.100	24%		Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)	
2	Ánh Dương	1.350.495.000	1.350.000.000	495.000	0	1.049.154.000	1.049.154.000	5.010.519.240	27%		Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)	
3	Biển Giang	1.380.177.000	1.377.000.000	3.177.000	0	1.075.500.000	1.075.500.000	5.166.948.960	27%		Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)	
4	Bình Minh	1.409.400.000	1.409.400.000		0	1.285.411.935	1.285.411.935	3.260.688.480	27%		Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)	
5	Búp Sen Hồng	972.000.000	972.000.000		0	751.500.000	751.500.000	3.606.582.050	27%		Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)	
6	Đa Sỹ	1.080.000.000	1.080.000.000		0	1.060.284.000	1.060.284.000	5.005.027.970	27%		Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)	
7	Đồng Dương	1.026.000.000	1.026.000.000		0	999.300.000	999.300.000	4.135.301.900	25%		Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)	
8	Đồng Mai	1.472.697.000	1.471.500.000	1.197.000	0	1.344.488.000	1.344.488.000	6.046.489.700	24%		Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)	
9	Dương Nội	1.374.651.000	1.374.300.000	351.000	0	1.593.330.000	1.593.330.000	5.307.060.800	26%		Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)	
10	Hà Cầu	1.525.500.000	1.525.500.000		0	1.413.004.440	1.413.004.440	5.714.461.920	27%		Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)	
11	Hà Trì	1.568.052.000	1.566.000.000	2.052.000	0	1.366.068.000	1.366.068.000	5.848.159.620	27%		Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)	
12	Hàng Đào	1.917.000.000	1.917.000.000		0	1.699.052.000	1.699.052.000	7.174.315.010	27%		Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)	
13	Hòa Bình	1.047.951.000	1.047.600.000	351.000	0	877.800.000	877.800.000	5.929.135.790	27%		Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)	
14	Hoa Hồng	1.296.000.000	1.296.000.000		0	1.054.080.000	1.054.080.000	5.949.894.800	22%		Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)	

TT	Tên đơn vị	Dự toán thu năm 2023										Đến hết năm 2023	Mức tự đảm bảo chi thường xuyên	Phân loại đơn vị	
		Trong đó						Phần ngân sách NN cấp	Thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN (sau khi trừ chi phí)						Đến hết năm 2023
		Tổng số thu	Thu sự nghiệp	Thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN (sau khi trừ chi phí)	Chênh lệch	Thu hoạt động	Chi phí đảm bảo hoạt động								
1=2+3+4	2	3	4=5-6	5	6	7	8=1:7	9							
15	Hoa Mai	1.647.351.000	1.647.000.000	351.000	0	1.109.910.000	1.109.910.000	0	1.109.910.000	1.109.910.000	1.167.754.230	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
16	Họa Mỹ	1.174.500.000	1.174.500.000		0	971.910.000	971.910.000	0	971.910.000	971.910.000	1.396.396.910	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
17	Hoa Sen	1.385.100.000	1.385.100.000		0	1.329.050.000	1.329.050.000	0	1.329.050.000	1.329.050.000	1.135.530.610	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
18	Hoàng Hạnh	1.080.000.000	1.080.000.000		0	1.056.540.000	1.056.540.000	0	1.056.540.000	1.056.540.000	1.048.790.430	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
19	Hương Sen	1.215.000.000	1.215.000.000		0	1.042.500.000	1.042.500.000	0	1.042.500.000	1.042.500.000	1.489.471.820	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
20	Huyền Kỳ	1.107.000.000	1.107.000.000		0	905.010.000	905.010.000	0	905.010.000	905.010.000	1.093.286.260	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
21	Kiến Hưng	1.215.000.000	1.215.000.000		0	966.600.000	966.600.000	0	966.600.000	966.600.000	1.564.076.690	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
22	Kim Đồng	972.000.000	972.000.000		0	713.376.000	713.376.000	0	713.376.000	713.376.000	1.329.368.260	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
23	La Dương	811.053.000	810.000.000	1.053.000	0	532.000.000	532.000.000	0	532.000.000	532.000.000	1.432.241.900	24%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
24	La Khê	1.323.000.000	1.323.000.000		0	952.140.000	952.140.000	0	952.140.000	952.140.000	1.925.417.970	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
25	Lê Quý Đôn	1.242.000.000	1.242.000.000		0	963.660.000	963.660.000	0	963.660.000	963.660.000	1.590.629.120	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
26	Lê Trọng Tấn	2.299.527.000	2.295.000.000	4.527.000	0	1.737.268.000	1.737.268.000	0	1.737.268.000	1.737.268.000	1.344.575.100	28%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
27	Mậu Lương	1.957.695.000	1.957.500.000	195.000	0	1.372.650.000	1.372.650.000	0	1.372.650.000	1.372.650.000	1.274.391.890	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
28	Mồ Lao	1.161.000.000	1.161.000.000		0	832.890.000	832.890.000	0	832.890.000	832.890.000	1.359.774.530	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
29	Ngô Thi Nhâm	1.965.600.000	1.965.600.000		0	1.847.536.000	1.847.536.000	0	1.847.536.000	1.847.536.000	1.288.169.520	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
30	Nguyễn Trãi	486.000.000	486.000.000		0	326.880.000	326.880.000	0	326.880.000	326.880.000	1.094.599.600	23%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
31	Phù La	2.346.111.000	2.335.500.000	10.611.000	0	2.002.998.000	2.002.998.000	0	2.002.998.000	2.002.998.000	1.612.742.270	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
32	Phú Lâm	1.547.100.000	1.547.100.000		0	1.331.820.000	1.331.820.000	0	1.331.820.000	1.331.820.000	1.799.434.920	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		
33	Phú Lương	1.566.000.000	1.566.000.000		0	1.288.440.000	1.288.440.000	0	1.288.440.000	1.288.440.000	1.884.261.670	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)		

TT	Tên đơn vị	Dự toán thu năm 2023										Dự toán chi năm 2023	Mức tự đảm bảo chi thường xuyên	Phân loại đơn vị
		Trong đó					Thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN (sau khi trừ chi phí)							
		Tổng số thu	Thu sự nghiệp	Phần ngân sách NN cấp	Chi phí đảm bảo hoạt động	Thu hoạt động	Chi phí đảm bảo hoạt động	Chiên lệch	5	6	7			
1 = 2 + 3 + 4	2	3	4 = 5 - 6	5	6	7	8 = 1 : 7	9						
A	B													
34	Phù Lương I	1.498.851.000	1.498.500.000	351.000	0	1.201.950.000	1.201.950.000	0	1.201.950.000	1.201.950.000	0	5.628.814.180	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)
35	Phù Lương II	1.391.985.000	1.390.500.000	1.485.000	0	1.250.430.000	1.250.430.000	0	1.250.430.000	1.250.430.000	0	2.023.324.050	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)
36	Quang Trung	1.620.000.000	1.620.000.000		0	1.624.584.000	1.624.584.000	0	1.624.584.000	1.624.584.000	0	1.171.240.000	23%	* Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)
37	Sen Hồng	1.822.500.000	1.822.500.000		0	1.483.470.000	1.483.470.000	0	1.483.470.000	1.483.470.000	0	6.467.237.000	28%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)
38	Sơn Ca	1.215.000.000	1.215.000.000		0	823.680.000	823.680.000	0	823.680.000	823.680.000	0	4.553.286.960	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)
39	Trần Quốc Toàn	1.486.701.000	1.485.000.000	1.701.000	0	1.111.980.000	1.111.980.000	0	1.111.980.000	1.111.980.000	0	5.504.000.210	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)
40	Vạn Bảo	987.552.000	985.500.000	2.052.000	0	818.250.000	818.250.000	0	818.250.000	818.250.000	0	3.670.649.840	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)
41	Văn Khê	1.020.600.000	1.020.600.000		0	888.660.000	888.660.000	0	888.660.000	888.660.000	0	3.824.706.090	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)
42	Vạn Phúc	1.759.104.000	1.755.000.000	4.104.000	0	1.657.500.000	1.657.500.000	0	1.657.500.000	1.657.500.000	0	5.586.307.600	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)
43	Yên Hòa	1.309.626.000	1.306.800.000	2.826.000	0	1.211.520.000	1.211.520.000	0	1.211.520.000	1.211.520.000	0	1.864.914.850	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)
44	Yên Nghĩa	1.290.951.000	1.290.600.000	351.000	0	1.064.316.000	1.064.316.000	0	1.064.316.000	1.064.316.000	0	5.262.444.000	25%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)
45	Yên Nghĩa 1	1.269.000.000	1.269.000.000		0	1.102.380.000	1.102.380.000	0	1.102.380.000	1.102.380.000	0	4.701.660.100	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)
46	Yết Kiêu	1.026.000.000	1.026.000.000		0	1.034.920.000	1.034.920.000	0	1.034.920.000	1.034.920.000	0	3.847.799.150	27%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)
II	KHỐI TIỂU HỌC	13.847.924.000	12.870.000.000	51.300.000	926.624.000	131.743.921.300	130.817.297.300	275.593.551.800	130.817.297.300	130.817.297.300	275.593.551.800	275.593.551.800		
1	An Hưng	0	0	0	0	5.336.791.600	5.336.791.600	0	5.336.791.600	5.336.791.600	0	5.506.747.300	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
2	Biên Giang	154.800.000	0	0	154.800.000	1.631.900.000	1.477.100.000	0	1.631.900.000	1.477.100.000	0	4.497.784.600	3%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
3	Đoàn Kết	0	0	0	0	6.195.860.000	6.195.860.000	0	6.195.860.000	6.195.860.000	0	1.180.967.700	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
4	Đồng Mai I	38.000.000	0	0	24.500.000	2.738.686.500	2.714.186.500	0	2.738.686.500	2.714.186.500	0	1.158.416.500	1%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
5	Đồng Mai II	0	0	0	0	1.317.756.000	1.317.756.000	0	1.317.756.000	1.317.756.000	0	3.573.762.700	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)

TT	Tên đơn vị	Dự toán thu năm 2023										Dự toán chi năm 2023	Mức tự đảm bảo chi thường xuyên	Phân loại đơn vị
		Trong đó												
		Tổng số thu	Thu sự nghiệp	Phản ngân sách NN cấp	Thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN (sau khi trừ chi phí)		Chi phí đảm bảo hoạt động	Chênh lệch	Thu hoạt động	Chi phí đảm bảo hoạt động	Chi phí đảm bảo hoạt động			
1=2+3+4	2	3	4=5-6	5	6	7	8=1:7	9						
A	B	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
6	Dương Nội A	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
7	Dương Nội B	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
8	Kiến Hưng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
9	Kim Đồng	1.350.000	0	1.350.000	0	1.350.000	0	2.276.040.000	2.276.040.000	2.276.040.000	5.734.160.900	0%	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
10	La Khê	2.700.000	0	2.700.000	0	2.700.000	0	3.358.945.000	3.358.945.000	3.358.945.000	6.220.455.700	0%	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
11	Lê Hồng Phong	14.850.000	0	14.850.000	0	14.850.000	0	3.147.950.000	3.147.950.000	3.147.950.000	6.847.921.700	0%	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
12	Lê Lợi	0	0	0	0	0	0	6.138.190.000	6.138.190.000	6.138.190.000	12.251.554.300	0%	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
13	Lê Quý Đôn	737.424.000	0	737.424.000	0	737.424.000	0	5.958.610.000	5.958.610.000	5.958.610.000	11.133.212.000	7%	7%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
14	Lê Trọng Tấn	9.900.000	0	9.900.000	0	9.900.000	0	2.282.880.000	2.282.880.000	2.282.880.000	6.666.081.200	0%	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
15	Mậu Lương	6.750.000	0	6.750.000	0	6.750.000	0	7.977.960.000	7.977.960.000	7.977.960.000	14.369.224.400	0%	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
16	Nguyễn Du	0	0	0	0	0	0	6.780.700.000	6.780.700.000	6.780.700.000	13.787.085.300	0%	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
17	Nguyễn Trãi	0	0	0	0	0	0	5.897.326.000	5.897.326.000	5.897.326.000	9.945.349.100	0%	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
18	Phú Cường	1.350.000	0	1.350.000	0	1.350.000	0	3.286.795.000	3.286.795.000	3.286.795.000	6.799.907.800	0%	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
19	Phú La	0	0	0	0	0	0	8.680.237.500	8.680.237.500	8.680.237.500	15.749.446.400	0%	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
20	Phú Lâm	0	0	0	0	0	0	2.912.017.700	2.912.017.700	2.912.017.700	6.729.085.200	0%	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
21	Phú Lương I	0	0	0	0	0	0	2.188.550.000	2.188.550.000	2.188.550.000	4.437.192.500	0%	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
22	Phú Lương II	0	0	0	0	0	0	3.644.735.000	3.644.735.000	3.644.735.000	7.619.858.200	0%	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
23	Trần Đăng Ninh	0	0	0	0	0	0	4.813.200.000	4.813.200.000	4.813.200.000	8.793.148.400	0%	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)
24	Trần Phú	0	0	0	0	0	0	5.194.270.000	5.194.270.000	5.194.270.000	9.773.340.700	0%	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)

T	Tên đơn vị	Dự toán thu năm 2023										Mức tự đảm bảo chi thường xuyên	Phân loại đơn vị
		Trong đó											
		Tổng số thu	Thu sự nghiệp	Phần ngân sách NN cấp	Thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN (sau khi trừ chi phí)	Chênh lệch	Thu hoạt động	Chi phí đảm bảo hoạt động	Đt toán chi năm 2023	8 = 1 : 7	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)		
1 = 2 + 3 + 4	2	3	4 = 5 - 6	5	6	7	8 = 1 : 7	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)					
5	Trần Quốc Toàn	1.350.000	0	1.350.000	0	3.965.417.500	3.965.417.500	3.287.081.100	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 3)			
6	Vạn Bảo	12.870.000.000	0	12.870.000.000	0	1.512.500.000	1.512.500.000	1.518.537.200	66%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 3)			
7	Văn Khê	0	0	0	0	4.836.220.000	4.836.220.000	3.963.497.100	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)			
8	Vạn Phúc	4.050.000	0	4.050.000	0	3.429.355.000	3.429.355.000	7.315.096.300	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)			
9	Văn Yên	0	0	0	0	9.512.814.000	9.512.814.000	1.699.603.500	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)			
10	Yên Nghĩa	5.400.000	0	5.400.000	0	5.055.715.000	5.055.715.000	11.187.105.000	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)			
11	Yết Kiêu	0	0	0	0	2.521.520.000	2.521.520.000	5.354.287.400	0%	Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Nhóm 4)			
III	KHỐI THCS	112.727.359.000	112.531.950.000	180.009.000	15.400.000	58.654.604.000	58.654.604.000	2.601.968.500		Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)			
1	Biển Giang	1.701.810.000	1.698.300.000	3.510.000	0	967.500.000	967.500.000	5.323.802.900	32%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)			
2	Đồng Mai	2.806.812.000	2.802.600.000	4.212.000	0	2.332.800.000	2.332.800.000	8.693.769.900	32%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)			
3	Dương Nội	4.868.559.000	4.865.400.000	3.159.000	0	3.582.384.000	3.582.384.000	13.446.960.300	36%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)			
4	Kiến Hưng	2.882.584.000	2.845.800.000	21.384.000	15.400.000	2.322.900.000	2.307.500.000	6.799.074.700	42%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)			
5	Lê Hồng Phong	3.716.334.000	3.688.200.000	28.134.000	0	2.520.000.000	2.520.000.000	11.955.782.900	31%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)			
6	Lê Quý Đôn	4.536.000.000	4.536.000.000	0	0	4.440.000.000	4.440.000.000	14.313.750.800	32%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)			
7	Mậu Lương	3.068.064.000	3.053.700.000	14.364.000	0	3.122.150.000	3.122.150.000	11.223.062.100	31%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)			
8	Mỗ Lao	3.490.020.000	3.472.200.000	17.820.000	0	3.146.450.000	3.146.450.000	17.066.614.400	46%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)			
9	Nguyễn Trãi	7.923.015.000	7.916.400.000	6.615.000	0	890.000.000	890.000.000	7.018.339.100	32%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)			
10	Phú Cường	2.229.255.000	2.227.500.000	1.755.000	0	4.743.910.000	4.743.910.000	5.878.354.800	32%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)			
11	Phú La	5.086.557.000	5.081.400.000	5.157.000	0	823.500.000	823.500.000	6.523.414.400	32%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)			
12	Phú Lâm	2.082.456.000	2.079.000.000	3.456.000	0	823.500.000	823.500.000	6.523.414.400	32%	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)			

T	Tên đơn vị	Dự toán thu năm 2023						Phân loại đơn vị		
		Tổng số thu	Thu sự nghiệp	Phần ngân sách NN cấp	Trong đó				Dự toán chi năm 2023	Mức tự đảm bảo chi thường xuyên
					Thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN (sau khi trừ chi phí)	Thu hoạt động	Chi phí đảm bảo hoạt động			
1	2	3	4=5-6	5	6	7	8=1:7			
A	B	1=2+3+4	2	3	4=5-6	5	6	7	8=1:7	
13	Phù Lương	3.793.770.000	3.780.000.000	13.770.000	0	2.495.080.000	2.495.080.000	1.909.702.900	32%	
14	Trần Đăng Ninh	4.930.902.000	4.930.200.000	702.000	0	3.150.000.000	3.150.000.000	15.936.971.700	31%	
15	Văn Khê	5.011.929.000	4.984.200.000	27.729.000	0	3.685.500.000	3.685.500.000	15.478.271.300	52%	
16	Vạn Phúc	1.557.576.000	1.544.400.000	13.176.000	0	1.960.360.000	1.960.360.000	6.228.393.200	25%	
17	Văn Quán	4.070.412.000	4.058.100.000	12.312.000	0	5.226.700.000	5.226.700.000	12.770.722.600	32%	
18	Văn Yên	5.699.700.000	5.699.700.000	2.754.000	0	5.266.320.000	5.266.320.000	7.106.159.700	33%	
19	Yên Nghĩa	4.754.754.000	4.752.000.000	2.754.000	0	3.371.000.000	3.371.000.000	14.536.810.400	33%	
20	Lê Lợi	38.516.850.000	38.516.850.000		0	1.282.500.000	1.282.500.000	38.516.850.000	100%	
IV	Trung tâm Chính trị	0	0		0	0	0	3.163.438.600	0%	
V	Trung tâm GDNN - GDTX	2.182.493.000	654.327.000	1.146.573.000	381.593.000	4.519.041.000	4.137.448.000	7.285.000.000	30%	
B	SỰ NGHIỆP VH - TT - TT	836.600.000	836.600.000	0	0	0	0	4.949.355.800	17%	
1	Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao	836.600.000	836.600.000	0	0	0	0	4.949.355.800	17%	
B	SỰ NGHIỆP KHÁC	3.463.837.300	3.463.837.300	0	0	0	0	3.463.837.300	100%	
1	Ban QLDA Đầu tư xây dựng Hà Đông	13.621.000.000	13.621.000.000	0	0	0	0	13.621.000.000	100%	
2	Ban Quản lý chợ Hà Đông	16.623.451.000	16.623.451.000	0	0	0	0	16.623.451.000	100%	
3	Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Hà Đông	3.463.837.300	3.463.837.300	0	0	0	0	3.463.837.300	100%	

10/1

BIỂU GIAO DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 5858/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND quận Hà Đông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Dương Nội B

Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4).

Mã đơn vị QHNS: 1020200

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Dự toán
1	2	3	4
I	Chỉ tiêu		
1	Số biên chế được giao	29	
2	Số học sinh	803	
3	Định mức	5.800.000	
			4.657.400.000
II	Dự toán thu		
1	60% thu sự nghiệp		-
2	Ngân sách NN cấp		4.657.400.000
-	Kinh phí tự chủ		-
-	Kinh phí không tự chủ		-
-	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		-
			4.657.400.000
III	Dự toán chi		
1	Chi từ nguồn thu SN:		-
-	Số thu sự nghiệp được để lại đơn vị		-
			4.657.400.000
2	Chi từ nguồn NSNN cấp		4.657.400.000
a	Kinh phí giao thực hiện tự chủ		2.782.320.200
-	Tiền lương, phụ cấp, các khoản phải nộp theo lương		1.875.079.800
-	Chi khác		-
	Trong đó:		276.906.000
+	Trừ Tiết kiệm		-
+	Trừ 60% thu để lại đơn vị		1.598.173.800
+	Chi khác còn lại được giao		4.380.494.000
-	Kinh phí tự chủ còn lại thực giao		-
b	Kinh phí không thực hiện tự chủ		-
	- Bổ sung nhiệm vụ:		-
c	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		-
	Tổng kinh phí còn lại thực giao		4.380.494.000

Dự toán trên đảm bảo:

- Kinh phí giao quyền tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; Dự toán năm 2023 giao theo số học sinh trên cơ sở định mức quy định tại Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND thành phố Hà Nội; Trường hợp định mức theo số học sinh không đảm bảo quỹ tiền lương và chi khác tối thiểu ngân sách sẽ cấp bù, đảm bảo chi khác không thấp hơn định mức tối thiểu theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND; Đối với các trường có tổng chi khác lớn, vượt quá 2 lần chi khác tối thiểu tính theo số học sinh được giao chi khác không thấp hơn 2 lần chi khác tối thiểu tính theo số học sinh; Dự toán giao đảm bảo tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của biên chế, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và nhân viên nuôi dưỡng, đảm bảo đủ định biên với mức lương tối thiểu 1.490.000 đồng quy định tại NĐ 38/2019/NĐ-CP. Thủ trưởng đơn vị căn cứ dự toán giao tổ chức thực hiện đảm bảo tiết kiệm có thu nhập tăng thêm cho cán bộ theo đúng những nội dung quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP.

- Dự toán trên đã đảm bảo để đơn vị chi hoạt động thường xuyên cũng như phát sinh, do vậy thủ trưởng đơn vị cần thực hiện nghiêm Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí, thực hiện chi đúng chế độ chính sách quy định hiện hành, cần đổi dự toán để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

UBND QUẬN HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC DƯƠNG NỘI B

Số: /BC-THDNB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

-----o0o-----
Hà Đông, ngày 06 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO

Về việc công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023

Kính gửi: Phòng Tài chính - kế hoạch quận Hà Đông

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học Dương Nội B

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 5858/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND quận Hà Đông về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi NSNN năm 2023 của quận Hà Đông;

Trường Tiểu học Dương Nội B xin báo cáo về việc công khai tài chính. Cụ thể như sau:

1. Loại thông báo: Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 (có biểu mẫu đính kèm).

2. Hình thức thông báo:

- Niêm yết thông báo công khai tại bảng tin. Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 17h30 ngày 06 tháng 01 năm 2023 và sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 17h30 ngày 05 tháng 04 năm 2023 (90 ngày liên tục).

- Công bố công khai trong cuộc họp hội đồng sư phạm ngày 06/01/2023.

3. Kết luận:

Sau thời gian niêm yết và thông báo công khai nhất trí 100%, không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại nào.

Trên đây là báo cáo của trường Tiểu học Dương Nội B về công tác công khai dự toán tài chính năm 2023.



Hoàng Tuyết Minh

số 2 : (Ban hành kèm theo Thông tư 90/2018-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐƯƠNG NỘI B
HƯƠNG 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 5858/QĐ-UBND của UBND quận Hà Đông ngày 20/12/2022 và Quyết định ngày 06/01/2023 của trường Tiểu học Dương Nội B)

STT	Nội dung	Dự toán được giao
	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí B	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí	
	Phí	
2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.380.494.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	4.380.494.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	4.380.494.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
1.3	Kinh phí cải cách tiền lương (nguồn 14)	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

Nội dung	Dự toán được giao
Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
Chi bảo hiểm xã hội	
Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
Chi hoạt động kinh tế	
6.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7 Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8 Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9 Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10 Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II Nguồn vốn viện trợ	
1 Chi quản lý hành chính	
1.1 Dự án A	
1.2 Dự án B	
2 Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1 Dự án A	
2.2 Dự án B	
3 Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1 Dự án A	
3.2 Dự án B	
4 Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1 Dự án A	
4.2 Dự án B	
5 Chi bảo hiểm xã hội	
5.1 Dự án A	
5.2 Dự án B	
6 Chi hoạt động kinh tế	
6.1 Dự án A	
6.2 Dự án B	
7 Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1 Dự án A	
7.2 Dự án B	
8 Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1 Dự án A	
8.2 Dự án B	
9 Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1 Dự án A	
9.2 Dự án B	

	Nội dung	Dự toán được giao
	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
	Dự án A	
	Dự án B	
	Nguồn vay nợ nước ngoài	
	Chi quản lý hành chính	
1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo hiểm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Hà Đông, ngày 06 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Hoàng Tuyết Minh